

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 10 /2020/QĐ-UBND

Kiên Giang, ngày 22 tháng 5 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về quản lý, vận hành khai thác và bảo trì công trình
đường bộ trong phạm vi quản lý của tỉnh Kiên Giang**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Căn cứ Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 33/2019/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

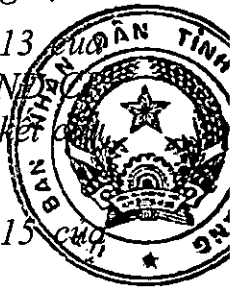
Căn cứ Thông tư số 37/2018/TT-BGTVT ngày 07 tháng 6 năm 2018 của Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý, vận hành khai thác và bảo trì công trình đường bộ;

Căn cứ Thông tư số 04/2019/TT-BGTVT ngày 23 tháng 01 năm 2019 của Bộ Giao thông vận tải quy định về tuần đường, tuần kiểm để bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 279/TTr-SGTVT ngày 06 tháng 5 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về quản lý, vận hành khai thác và bảo trì công trình đường bộ trong phạm vi quản lý của tỉnh Kiên Giang.



Điều 2. Tổ chức thực hiện

Giao Giám đốc Sở Giao thông vận tải chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố triển khai thực hiện Quyết định này.

Điều 3. Điều khoản thi hành

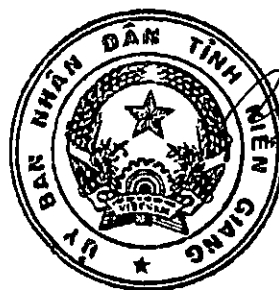
Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc (Thủ trưởng) các sở, ban ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2020 và thay thế Quyết định số 44/2015/QĐ-UBND ngày 10 tháng 02 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang quy định về quản lý, vận hành khai thác và bảo trì công trình đường bộ trong phạm vi quản lý của tỉnh Kiên Giang. / *lle*

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Website Chính phủ;
- Bộ Giao thông vận tải;
- Cục Kiểm tra VBQPPL;
- Tổng cục Đường bộ Việt Nam;
- Đoàn ĐBQH đơn vị tỉnh Kiên Giang;
- TT. Tỉnh ủy; TT. HĐND tỉnh;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Thành viên UBND tỉnh;
- Website tỉnh Kiên Giang;
- Như Điều 3;
- Công báo tỉnh;
- LĐVP, CVNC;
- Lưu: VT, SGTVT. cvquoc (01b).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Phạm Vũ Hồng

QUY ĐỊNH

**Về quản lý, vận hành khai thác và bảo trì công trình đường bộ
trong phạm vi quản lý của tỉnh Kiên Giang**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 10 /2020/QĐ-UBND
ngày 22 tháng 5 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Quy định này quy định về quản lý, vận hành khai thác và bảo trì công trình đường bộ trong phạm vi quản lý của tỉnh Kiên Giang.

b) Quy định này không áp dụng đối với các đường đô thị trong nội ô thị trấn, thành phố.

c) Các nội dung khác về quản lý, vận hành khai thác và bảo trì công trình đường bộ trong phạm vi quản lý của tỉnh Kiên Giang không quy định tại Quy định này thực hiện theo quy định tại Thông tư số 37/2018/TT-BGTVT ngày 07 tháng 6 năm 2018 của Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý, vận hành khai thác và bảo trì công trình đường bộ và các quy định của pháp luật hiện hành.

d) Quy định về tuần đường, tuần kiểm để bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trong phạm vi quản lý của tỉnh Kiên Giang thực hiện theo quy định của Bộ Giao thông vận tải đối với hệ thống đường Trung ương.

2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến công tác quản lý, vận hành khai thác và bảo trì công trình đường bộ trong phạm vi quản lý của tỉnh Kiên Giang.

Điều 2. Yêu cầu về quản lý, khai thác và bảo trì công trình đường bộ

1. Công trình đường bộ khi đưa vào khai thác, sử dụng phải được tổ chức quản lý, khai thác và bảo trì theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Việc quản lý, vận hành khai thác và bảo trì công trình đường bộ phải bảo đảm duy trì tuổi thọ công trình; bảo đảm giao thông an toàn và thông suốt; an toàn cho người và tài sản, an toàn công trình; phòng, chống cháy nổ và bảo vệ môi trường.



3. Bảo trì công trình đường bộ phải thực hiện theo quy định của quy trình bảo trì, quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về bảo trì công trình đường bộ được cơ quan có thẩm quyền công bố áp dụng.

4. Quy trình bảo trì công trình đường bộ được lập phù hợp với các bộ phận công trình, thiết bị lắp đặt vào công trình, loại công trình (đường, cầu, hầm, bến phà, cầu phao và công trình khác), cấp công trình và mục đích sử dụng công trình.

Điều 3. Tổ chức thực hiện quản lý, vận hành khai thác công trình đường bộ

1. Việc quản lý, vận hành khai thác công trình đường bộ phải được thực hiện một cách có hiệu quả, tránh lãng phí.

2. Đảm bảo bảo vệ đất đường bộ, đất hành lang an toàn đường bộ, phải đúng thẩm quyền và quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh về quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

3. Thường xuyên kiểm tra theo dõi tình trạng của công trình đường bộ; quản lý lưu trữ hồ sơ tài liệu kỹ thuật có liên quan; phân loại đánh giá tình trạng kỹ thuật của công trình đường bộ.

4. Đảm bảo an toàn giao thông khi thi công công trình đường bộ đang khai thác; thường xuyên rà soát, điều chỉnh hệ thống báo hiệu công trình đường bộ cho phù hợp; lập hồ sơ điểm đen, xử lý và theo dõi hiệu quả xử lý.

Chương II QUẢN LÝ, VẬN HÀNH KHAI THÁC VÀ BẢO TRÌ CÔNG TRÌNH ĐƯỜNG BỘ

Điều 4. Lập, phê duyệt và điều chỉnh kế hoạch bảo trì công trình đường bộ

1. Kế hoạch bảo trì công trình đường bộ sử dụng vốn ngân sách nhà nước phải có các thông tin: danh mục, hạng mục công trình; khối lượng chủ yếu, kinh phí thực hiện; quy mô và giải pháp kỹ thuật sửa chữa, bảo trì; thời gian, phương thức thực hiện và mức độ ưu tiên. Kế hoạch bảo trì công trình đường bộ được lập theo Biểu mẫu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quy định này.

2. Các công việc trong kế hoạch bảo trì công trình đường bộ

a) Bảo dưỡng thường xuyên công trình đường bộ bao gồm các công việc theo tiêu chuẩn kỹ thuật về bảo dưỡng thường xuyên công trình đường bộ và quy trình bảo trì; thiết bị lắp đặt vào công trình đường bộ.

b) Sửa chữa định kỳ công trình đường bộ bao gồm gia cố lề đường để đảm bảo giao thông

c) Sửa chữa đột xuất: Xử lý điểm đen, điểm tiềm ẩn tai nạn giao thông hoặc các nguyên nhân bất thường khác, giải phóng mặt bằng (nếu có) để đảm bảo an

toàn giao thông; sửa chữa khẩn cấp phục vụ công tác an ninh quốc phòng kể cả khu vực nằm trên các tuyến đường trung ương.

d) Các nội dung công việc khác: Sửa chữa, kiểm định thiết bị; kiểm tra quan trắc, kiểm định chất lượng công trình đường bộ; lập quy trình và định mức, đơn giá công tác quản lý, khai thác, bảo trì các công trình đường bộ; sửa chữa phương tiện, thiết bị phục vụ trực tiếp công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động bảo trì đường bộ; thuê phương tiện, thiết bị phục vụ trực tiếp công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động bảo trì đường bộ; sửa chữa nhà hạt quản lý công trình đường bộ; hoạt động thanh tra giao thông, kiểm tra kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; ứng dụng công nghệ phục vụ quản lý, bảo trì công trình đường bộ; hoạt động trông coi, bảo quản công trình đường bộ trong một số trường hợp đặc thù; dự phòng cho công tác khẩn cấp để đảm bảo an toàn giao thông.

3. Lựa chọn công việc và danh mục tuyến đường ưu tiên để bố trí vốn thực hiện

a) Công việc ưu tiên gồm: Bảo dưỡng thường xuyên công trình đường bộ, khối lượng các dự án chuyển tiếp từ năm trước sang năm sau; sự cố công trình; sửa chữa, bổ sung các công trình đảm bảo an toàn giao thông, xử lý điểm đen tai nạn giao thông; sửa chữa cầu yếu, cầu hẹp; sửa chữa các tuyến đường hư hỏng mất an toàn giao thông; sửa chữa, xây rãnh thoát nước dọc – công ngang các tuyến đường thường xuyên ngập nước gây hư hỏng mặt đường; sửa chữa định kỳ lớp mặt đường của các tuyến đường đã khai thác quá thời hạn thiết kế để khôi phục các chỉ tiêu kỹ thuật theo tiêu chuẩn thiết kế; kiểm định đánh giá khả năng chịu lực của các công trình cầu; xây dựng định mức và đơn giá về quản lý, bảo trì; xây dựng quy trình bảo trì và các công việc cần thiết khác.

b) Tuyến đường ưu tiên: Đường tỉnh, đường huyện, đường xã có lưu lượng vận tải lớn đóng vai trò trực chính, có ý nghĩa quan trọng trong phát triển kinh tế xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh của tỉnh.

4. Lập, thẩm định, phê duyệt kế hoạch bảo trì công trình đường bộ hàng năm

a) Lập kế hoạch bảo trì công trình đường bộ

Hàng năm, căn cứ vào tình trạng công trình đường bộ, các thông tin về quy mô và kết cấu công trình, lịch sử sửa chữa bảo trì, các dữ liệu khác về các tuyến đường, công trình đường bộ, tiêu chuẩn kỹ thuật và quy trình bảo trì, định mức kinh tế - kỹ thuật, công việc và danh mục tuyến đường ưu tiên quy định tại khoản 3 điều này, Sở Giao thông vận tải lập kế hoạch bảo trì công trình đường bộ thuộc hệ thống đường tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp huyện) lập kế hoạch bảo trì công trình đường bộ thuộc hệ thống đường huyện, đường xã trước ngày 30 tháng 5 cho năm sau.

b) Thẩm định kế hoạch bảo trì công trình đường bộ

Trước ngày 30 tháng 6 hàng năm, Sở Giao thông vận tải tổng hợp, thẩm tra kế hoạch bảo trì công trình đường tỉnh, đường huyện, đường xã gửi Sở Tài chính

thẩm định nhu cầu quản lý, bảo trì cho năm sau; thống nhất công việc, danh mục tuyến đường ưu tiên cho phép chuẩn bị đầu tư trình Ủy ban nhân dân tỉnh.

c) Phê duyệt kế hoạch bảo trì công trình đường bộ

Trước ngày 30 tháng 7 hàng năm, Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kế hoạch bảo trì công trình đường bộ thuộc hệ thống đường tỉnh, đường huyện, đường xã;

5. Căn cứ vào công việc, danh mục tuyến đường ưu tiên được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt trong kế hoạch bảo trì, Sở Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức lập, thẩm định, trình phê duyệt hoặc phê duyệt theo thẩm quyền dự án hoặc báo cáo kinh tế kỹ thuật, dự toán kinh phí sửa chữa công trình và các công việc khác hoàn thành trước ngày 31 tháng 10 hàng năm.

6. Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch bảo trì công trình đường bộ

Trường hợp cần điều chỉnh, bổ sung công trình sửa chữa ngoài kế hoạch bảo trì đã phê duyệt, Sở Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp huyện trình Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận chủ trương. Danh mục bổ sung thực hiện các công việc quy định tại khoản 4 Điều này.

Điều 5. Phê duyệt quy trình bảo trì công trình đường bộ

1. Đối với các dự án đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp, mở rộng công trình đường bộ, Chủ đầu tư tổ chức lập và phê duyệt quy trình bảo trì.

2. Đối với các công trình đã đưa vào khai thác, thẩm quyền phê duyệt như sau:

a) Sở Giao thông vận tải phê duyệt quy trình bảo trì công trình đối với hệ thống đường tỉnh.

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt quy trình bảo trì công trình đối với hệ thống đường huyện, đường xã.

Điều 6. Thực hiện kế hoạch bảo trì công trình đường bộ

1. Đối với hệ thống đường tỉnh:

Căn cứ kế hoạch bảo trì công trình đường tỉnh hàng năm được phê duyệt; quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật bảo trì, quy trình bảo trì công trình được duyệt, Sở Giao thông vận tải tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch bảo trì công trình.

2. Đối với hệ thống đường huyện, đường xã:

Căn cứ kế hoạch bảo trì công trình đường huyện, đường xã hàng năm được phê duyệt; quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật bảo trì, quy trình bảo trì công trình được duyệt, Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch bảo trì công trình.

3. Sửa chữa đột xuất công trình đường bộ thuộc hệ thống đường tỉnh, đường huyện, đường xã được thực hiện như sau:

a) Đối với công trình, bộ phận công trình bị hư hỏng do chịu các tác động đột xuất như mưa bão, lũ lụt, động đất, va đập, cháy nổ hoặc những tác động thiên

tai đột xuất khác, cần thiết phải tiến hành sửa chữa khẩn cấp mà không có trong kế hoạch bảo trì được phê duyệt, Ủy ban nhân dân tỉnh giao Sở Giao thông vận tải đối với đường tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với đường huyện, đường xã quyết định phê duyệt, tổ chức thực hiện nhằm đảm bảo an toàn giao thông và an toàn công trình;

b) Sở Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp huyện chịu trách nhiệm về việc sử dụng kinh phí, phương thức thực hiện và hoàn thiện hồ sơ theo quy định đối với các trường hợp sửa chữa đột xuất quy định tại điểm a khoản 3 Điều này; báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả thực hiện sửa chữa đột xuất công trình đường bộ để điều chỉnh, bổ sung kế hoạch bảo trì hàng năm.

Điều 7. Chế độ báo cáo thực hiện công tác bảo trì công trình đường bộ

1. Đối với hệ thống đường tỉnh:

Sở Giao thông vận tải báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả thực hiện kế hoạch bảo trì công trình đường bộ thuộc hệ thống đường tỉnh, đồng thời tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch bảo trì công trình đường bộ thuộc hệ thống đường huyện, đường xã trên địa bàn tỉnh định kỳ từng quý trước ngày 05 tháng 3, 6 và 9; báo cáo năm trước ngày 05 tháng 12.

2. Đối với hệ thống đường huyện, đường xã:

Ủy ban nhân dân cấp huyện báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch bảo trì công trình đường bộ thuộc hệ thống đường huyện, đường xã về Sở Giao thông vận tải; tình hình quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ thuộc phạm vi quản lý định kỳ từng quý trước ngày 01 tháng 3, 6 và 9; báo cáo năm trước ngày 01 tháng 12.

3. Nội dung báo cáo thực hiện theo quy định tại phụ lục II kèm theo Quy định này

Chương III ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 8. Trách nhiệm quản lý, vận hành khai thác và bảo trì công trình đường bộ

1. Trách nhiệm của Sở Giao thông vận tải

a) Căn cứ Quy định này và pháp luật có liên quan, hướng dẫn chuyên môn nghiệp vụ; kiểm tra, thanh tra việc thực hiện công tác quản lý, vận hành khai thác và bảo trì công trình đường bộ thuộc phạm vi toàn tỉnh;

b) Thực hiện quyền, trách nhiệm quản lý nhà nước đối với hệ thống đường bộ trên địa bàn tỉnh; tổ chức thực hiện công tác quản lý, vận hành khai thác và bảo trì các tuyến đường tỉnh, hệ thống cầu trung (có nhịp từ 25 mét trở lên) có tải trọng từ 13 tấn trở lên (hoặc lớn hơn 0,65HL93) kể cả các cầu trong đô thị theo Quy định này và quy định của pháp luật;

c) Tổ chức lập, thẩm định và trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt dự toán công trình bảo dưỡng thường xuyên hàng năm;

d) Quyết định cử người thực hiện kiểm tra, giám sát việc thực hiện công tác quản lý, vận hành khai thác và bảo trì công trình đường bộ;

đ) Bàn giao hệ thống cọc mốc giới hạn đất đường bộ, cọc mốc hành lang an toàn đường bộ, cọc mốc giải phòng mặt bằng và phần đất đường bộ, đất hành lang an toàn đường bộ, đất thu hồi sau giải phóng mặt bằng sau khi dự án đầu tư các công trình đường bộ hoàn thành đưa vào sử dụng cho Ủy ban nhân dân xã quản lý và bảo vệ.

e) Thực hiện quyền, trách nhiệm khác đối với công tác quản lý, vận hành khai thác và bảo trì công trình đường bộ theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Trách nhiệm của Sở Tài chính:

a) Hàng năm bố trí dự toán kinh phí từ nguồn ngân sách để thực hiện công tác quản lý, bảo trì công trình đường bộ; thẩm định kế hoạch bảo trì công trình đường bộ;

b) Phối hợp với Sở Giao thông vận tải và các sở, ngành liên quan kiểm tra việc thực hiện kế hoạch bảo trì công trình đường bộ theo định của pháp luật và Quy định này.

c) Xây dựng các cơ chế huy động các nguồn lực để tạo nguồn vốn thực hiện công tác quản lý, vận hành khai thác và bảo trì công trình đường bộ.

3. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

a) Thực hiện quản lý, vận hành khai thác và bảo trì công trình đường bộ thuộc hệ thống đường huyện, đường xã và đường khác trên địa bàn theo quy định này và quy định của pháp luật. Thực hiện ủy thác cho Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện quản lý, vận hành khai thác và bảo trì công trình đường bộ thuộc hệ thống đường xã theo quy định này và quy định của pháp luật tùy theo năng lực quản lý của Ủy ban nhân dân cấp xã.

b) Khi ký kết hợp đồng thực hiện các dự án cầu giao thông nông thôn đầu tư theo hình thức đối tác công tư, phải có quy trình bảo trì, quy trình vận hành khai thác được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt trước khi đưa vào khai thác;

c) Bàn giao hệ thống cọc mốc giới hạn đất đường bộ, cọc mốc hành lang an toàn đường bộ, cọc mốc giải phòng mặt bằng và phần đất đường bộ, đất hành lang an toàn đường bộ, đất thu hồi sau giải phóng mặt bằng sau khi dự án đầu tư các công trình đường bộ hoàn thành trên địa bàn hành chính của huyện cho Ủy ban nhân dân xã quản lý và bảo vệ.

4. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã


a) Thực hiện quản lý, vận hành khai thác và bảo trì công trình đường bộ thuộc hệ thống đường xã được ủy thác quản lý; hàng năm báo cáo Ủy ban nhân dân huyện tình hình quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ thuộc phạm vi quản lý.



b) Tiếp nhận, quản lý hệ thống cọc mốc giới hạn đất đường bộ, cọc mốc hành lang an toàn đường bộ, cọc mốc giải phóng mặt bằng và phần đất đường bộ, đất hành lang an toàn đường bộ, đất thu hồi sau giải phóng mặt bằng trên địa bàn hành chính của xã.

Điều 9. Tổ chức thực hiện

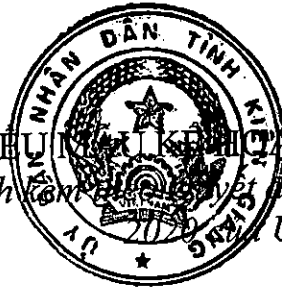
1. Sở Giao thông vận tải; các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã; cơ quan tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm triển khai thực hiện Quy định này.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc hay cần thiết phải sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế thì các cơ quan, đơn vị, cá nhân phản ánh về Sở Giao thông vận tải để nghiên cứu, tổng hợp và đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định. / 

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Phạm Vũ Hồng



PHỤ LỤC I
BIỂU MẪU KẾ HOẠCH BẢO TRÌ CÔNG TRÌNH ĐƯỜNG BỘ
(Ban hành kèm theo Quyết định số 10 /2020/QĐ-UBND ngày 22 tháng 5 năm 2020)
Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)

Đơn vị thực hiện:.....

| TT | Hạng mục công trình | Đơn vị tính | Khối lượng chủ yếu | Kinh phí thực hiện (triệu đồng) | Quy mô sửa chữa, bảo trì | Thời gian thực hiện | Phương thức thực hiện | Mức độ ưu tiên | Ghi chú |
|-----------------|-------------------------------|-------------|--------------------|---------------------------------|--------------------------|---------------------|-----------------------|----------------|---------|
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) |
| TỔNG SỐ | | | | | | | | | |
| | Bảo dưỡng thường xuyên | | | | | | | | |
| | Sửa chữa định kỳ | | | | | | | | |
| | Công trình chuyển tiếp | | | | | | | | |
| | Công trình làm mới | | | | | | | | |
| | Sửa chữa đột xuất | | | | | | | | |
| | Công tác khác | | | | | | | | |
| CHI TIẾT | | | | | | | | | |
| A | Bảo dưỡng thường xuyên | | | | | | | | |
| 1 | Tên Quốc lộ | | | | | | | | |
| | BDTX đường | | | | | | | | |
| | BDTX cầu lớn | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | |
| B | Sửa chữa định kỳ | | | | | | | | |
| 1 | Tên Quốc lộ | | | | | | | | |
| a | Công trình chuyển tiếp | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | |
| b | Công trình làm mới | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | |
| C | Sửa chữa đột xuất | | | | | | | | |
| 1 | Tên Quốc lộ | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | |
| D | Công tác khác | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | |

Ghi chú:

1. Cột (9): Ghi mức độ ưu tiên trong Phụ lục: Ghi mức độ ưu tiên 1 (rất cần thiết); 2 (cần thiết).

